

Số: 421 /QĐ-THPT NQT

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai, niêm yết Báo cáo thường niên năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT NGUYỄN QUỐC TRINH

Căn cứ Thông tư số 32/2011/TT-BDGĐT ngày 15/09/2020 ban hành Điều lệ trường Trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông nhiều cấp học

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 3/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống quốc dân;

Xét đề nghị Hội đồng trường THPT Nguyễn Quốc Trinh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai Báo cáo thường niên năm 2024 của trường THPT Nguyễn Quốc Trinh.

(Có báo cáo kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành. Thời gian công khai tối thiểu 05 năm kể từ ngày công bố công khai.

Điều 3. Tổ trưởng tổ Văn phòng, các tổ chuyên môn, toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh Trường THPT Nguyễn Quốc Trinh có trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT HN;
- Như Điều 3;
- Đăng lên Website;
- Lưu VT.



HIỆU TRƯỞNG

Ngô Văn Nghĩa

Số: 420/BC-THPTNQT

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trung học phổ thông Nguyễn Quốc Trinh

2. Địa chỉ trụ sở chính, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử

- Địa chỉ: Xã Đại Áng, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 02436475103

- Email: c3nguyenquoctrinh@hanoiedu.vn;

- Website: <https://thptnguyenquoctrinh.hanoi.edu.vn>

3. Loại hình cơ sở giáo dục

- Loại hình: Trường công lập

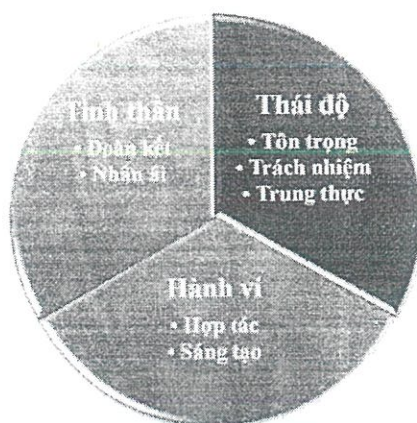
- Trực thuộc: Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu

- Sứ mạng: Tạo dựng được môi trường học tập thân thiện, nề nếp - kỷ cương, chất lượng cao để mỗi học sinh đều có cơ hội học tập, rèn luyện, phát triển hết tiềm năng, phát triển tài năng của mình.

- Tầm nhìn “ Có uy tín giáo dục đối với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội, học sinh được phát triển trong môi trường thân thiện, hiện đại”.

- Giá trị cốt lõi:



+ Đoàn kết: Xây dựng tập thể đoàn kết, thống nhất, có khả năng tương tác, hỗ trợ cùng hướng đến mục tiêu chung;

+ Nhân ái: Nuôi dưỡng những tâm hồn biết yêu thương, quan tâm, chia sẻ và giàu lòng nhân ái.

+ Tôn trọng: tôn trọng những nguyên tắc và con đường mình đã lựa chọn; biết hòa hợp những nguyên tắc này với mối quan hệ xã hội;

+ Trách nhiệm: Nêu cao vai trò bản thân, xây dựng tính tự giác, trách nhiệm cao trong giảng dạy công tác và học tập.

+ Trung thực: Trung thực với bản thân, tránh bệnh thành tích trong giáo dục; Trung thực với mọi người để tạo dựng những mối quan hệ tốt trên cơ sở của lòng tin.

+ Hợp tác: sẵn sàng đón nhận bè bạn ngay cả khi không cùng quan điểm. Đề cao quan hệ mật thiết giữa nhà trường và phụ huynh trong công tác giáo dục học sinh. Đề cao tinh thần hợp tác với các trường bạn trong xã và trong huyện.

+ Sáng tạo: Phát huy tinh thần sáng tạo, đổi mới trong tổ chức, quản lý và các hoạt động dạy học.

- Mục tiêu: Xây dựng trường THPT Nguyễn Quốc Trinh thành một trường có chất lượng giáo dục chất lượng cao trên địa bàn huyện Thanh Trì nói riêng và của thành phố Hà Nội nói chung.

5. Quá trình hình thành và phát triển

Trường THPT Nguyễn Quốc Trinh là đơn vị công lập trực thuộc Sở GD&ĐT Hà Nội được thành lập tháng 7/2019. Dưới sự chỉ đạo sát sao của Sở GD&ĐT Hà Nội, sự quan tâm tạo điều kiện của Huyện ủy, UBND huyện Thanh Trì, sự phối hợp của các cấp, các ngành, qua 5 năm hình thành và phát triển, nhà trường đã đạt được những thành tích, kết quả giáo dục khá toàn diện trên tất cả các mặt hoạt động.

Phương châm của nhà trường là “Xây dựng tập thể đoàn kết vững mạnh, nâng cao chất lượng chuyên môn, khẳng định vị thế của nhà trường trong khu vực và trên địa bàn thành phố Hà Nội”.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

- Họ và tên: Ngô Văn Nghĩa - Bí thư Chi bộ-Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: Xã Đại Áng, huyện Thanh Trì, Hà Nội
- Email: c3nguyenquoctrinh@hanoiedu.vn;

7. Tổ chức bộ máy

7.1 Quyết định thành lập trường

Trường THPT Nguyễn Quốc Trinh được thành lập theo Quyết định 3974/QĐ-UBND ngày 24/7/2019 của UBND thành phố Hà Nội là đơn vị công lập trực thuộc Sở GD&ĐT Hà Nội.

7.2 Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch Hội đồng trường và các thành viên hội đồng trường.

Hội đồng trường được thành lập theo Quyết định số 822/QĐ-SGD&ĐT ngày 03/6/2022 của Giám đốc Sở GD&ĐT Hà Nội. Hội đồng trường có 11 thành viên bao gồm đại diện tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Giám hiệu nhà trường, đại diện Công đoàn, đại diện Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, đại diện các tổ chuyên môn, văn phòng, đại diện CMHS.

Các thành viên trong Hội đồng trường được phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể. Chủ tịch Hội đồng trường là Hiệu trưởng nhà trường, các thành viên bao gồm các tổ trưởng chuyên môn, văn phòng, các tổ chức Đoàn thể, đại diện CMHS. Hội đồng trường họp thường niên 3 tháng một lần, họp bất thường khi cần thiết để chỉ ra những tồn tại, nguyên nhân yếu kém đưa ra biện pháp giải quyết, phương hướng cho giai đoạn tiếp theo.

Danh sách thành viên Hội đồng trường:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Ngô Văn Nghĩa	Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2	Ông Nguyễn Ngọc Ngạn	Chủ tịch Công đoàn	
3	Ông Lương Văn Cảnh	Bí thư Đoàn	
4	Bà Trần Thị Hà	Tổ trưởng chuyên môn	
5	Ông Phạm Việt Hòa	Tổ trưởng chuyên môn	
6	Bà Đặng Thị Thanh Hương	Tổ trưởng chuyên môn	
7	Ông Nguyễn Hữu Thái	Tổ trưởng chuyên môn	
8	Bà Lục Thị Kim Yến	Tổ trưởng tổ Văn phòng	
9	Bà Lê Thị Dung	Phó trưởng phòng Phòng GDĐT huyện Thanh Trì	
10	Ông Nguyễn Văn Trình	Trưởng ban đại diện Cha mẹ học sinh	
11	Vũ Thị Minh Phương	Đại diện học sinh	

Danh sách gồm: 11 đồng chí

7.3 Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng: Quyết định số 868/QĐ-UBND, ngày 22/2/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc bổ nhiệm ông Ngô Văn Nghĩa giữ chức vụ Hiệu trưởng trường THPT Nguyễn Quốc Trinh.

Quyết định bổ nhiệm phó Hiệu trưởng: Quyết định số 1851/QĐ-SGDĐT, ngày 28/9/2020 của Sở GDĐT Hà Nội về việc bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Cẩm Khuê giữ chức vụ Phó hiệu trưởng trường THPT Nguyễn Quốc Trinh.

Quyết định bổ nhiệm phó Hiệu trưởng: Quyết định số 214/QĐ-SGDĐT, ngày 29/1/2021 của Sở GDĐT Hà Nội về việc bổ nhiệm ông Nguyễn Xuân Phú giữ chức vụ Phó hiệu trưởng trường THPT Nguyễn Quốc Trinh.

7.4 Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; sơ đồ tổ chức bộ máy.

* Cơ chế tổ chức và hoạt động

- Trường THPT Nguyễn Quốc Trinh là đơn vị sự nghiệp công lập, có tư cách pháp nhân, tài khoản và con dấu riêng.

- Nhà trường được thực hiện quyền tự chủ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên mức 100% theo Quyết định số 2211/QĐ-SGDĐT ngày 16/11/2023 về việc giao tự chủ tài chính cho các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2024-2025.

- Cơ chế hoạt động thực hiện chủ yếu các nhiệm vụ:

+ Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền. Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định;

+ Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước.

+ Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

+ Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

*** Chức năng nhiệm vụ, quyền hạn**

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh THPT theo quy định của Bộ GDĐT.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.
- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.
- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.
- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

*** Sơ đồ tổ chức bộ máy**

- + 01 Hội đồng trường với 11 thành viên.
- + 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.
- + 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.
- + Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).
- + Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 23 đảng viên.
- + Tổ chức Công đoàn có 82 công đoàn viên.

*** Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường**

Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Thư điện tử
Ngô Văn Nghĩa	Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng	0915256022	ngonghia01041975@gmail.com
Nguyễn Thị Cẩm Khuê	Phó Bí thư Chi bộ - Phó Hiệu trưởng	0968830988	camkhue79nqt@gmail.com
Nguyễn Xuân Phú	Phó Hiệu trưởng	0904049779	nguyenxuanphutd@gmail.com

Địa chỉ làm việc: Xã Đại Áng, huyện Thanh Trì, Hà Nội

Số điện thoại: 02436475103

8. Các văn bản khác của nhà trường

*** Năm học 2023-2024**

- Chiến lược phát triển nhà trường: Kế hoạch số 57/KH-THPTNQT, ngày 03/5/2024 của Trường THPT Nguyễn Quốc Trinh về việc chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2026 và tầm nhìn đến 2030.
- Quy chế dân chủ nhà trường: Quyết định số 302/QĐ-THPTNQT, ngày 07/10/2023 về việc ban hành quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường.

- Quy chế của Hội đồng trường: Quyết định số 134/QĐ-THPTNQT ngày 18/6/2022 của Trường THPT Nguyễn Quốc Trinh về việc ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng trường nhiệm kỳ 2022-2027.

- Quyết định số 216/QĐ-THPTNQT ngày 01/9/2023 của trường THPT Nguyễn Quốc Trinh về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động trường THPT Nguyễn Quốc Trinh năm học 2023-2024.

- Kế hoạch đào tạo, bồi đội ngũ nhà giáo: Kế hoạch 159/KH-THPTNQT, ngày 19/8/2024 của Trường THPT Nguyễn Quốc Trinh.

*** Năm học 2024-2025**

- Kế hoạch số 280/KH-THPTNQT ngày 06/9/2024 về thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025.

- Kế hoạch số 285/KH-THPTNQT ngày 06/9/2024 về thực hiện chuyên đề năm học 2024-2025.

- Quyết định số 294/QĐ-THPTNQT ngày 16/9/2024 và Kế hoạch số 298/KH-THPTNQT ngày 06/9/2024 về kiểm tra nội bộ năm học 2024-2025.

- Kế hoạch số 291/KH-THPTNQT ngày 06/9/2024 về thực hiện chương trình giáo dục địa phương năm học 2024-2025.

- Quyết định số 294/QĐ-THPTNQT ngày 11/9/2024 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường THPT Nguyễn Quốc Trinh năm học 2024-2025.

- Quyết định số 304/QĐ-THPTNQT ngày 26/9/2024 về việc ban hành quy chế chuyên môn năm học 2024-2025.

- Kế hoạch số 305/KH-THPTNQT ngày 26/9/2024 về công tác chuyên môn năm học 2024-2025.

- Kế hoạch số 274/KH-THPTNQT ngày 05/9/2024 về dạy thêm, học thêm năm học 2024-2025; Quyết định số 279/QĐ-THPTNQT ngày 05/9/2024 về phân công quản lý, phục vụ dạy thêm, học thêm.

- Kế hoạch số 180/KH-THPTNQT ngày 03/8/2024 về đào tạo bồi dưỡng năm học 2024-2025.

- Kế hoạch số 210/KH-THPTNQT ngày 22/8/2024 về BDTX năm 2024-2025.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số liệu hiện tại thời điểm báo cáo

Hiện nay, đội ngũ CBGV, NV có 90 đồng chí đồng chí (biên chế, hợp đồng, thỉnh giảng). 100% CBGV, NV đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn. Tập thể nhà trường đoàn kết, nhất trí trong các hoạt động giáo dục. Đội ngũ CBGV, NV có trình độ chuyên môn vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ, có trình độ kỹ năng ứng dụng và sử dụng CNTT, thích ứng với đổi mới phương pháp dạy học đặc biệt với chương trình GDPT 2018.

TT	Môn	Số lượng CBGVNV			Trình độ chuyên môn		Hạng CDNN		
		Tổng số	Biên chế	HD, TG	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	Hạng III	Hạng II	Hạng I
I. CBQL									
1	Hiệu trưởng	1	1			1		1	
2	Phó Hiệu trưởng	2	2			2	1	1	
TỔNG CBQL		3	3			3/3 (100%)			
II. Giáo viên									
1	Toán	13	8	5	14	13	13	3	
2	Tin	4	2	2	4	0	4		
3	Vật lí	5	3	2	5	3	5	2	
4	Hóa	5	3	2	5	3	5	1	
5	Sinh	4	3	1	4	2	4		
6	Công nghệ	3	1	2	3	1	3		
7	Ngữ văn	9	4	5	9	3	9	2	
8	Lịch sử	6	5	1	6	1	6	2	
9	Địa lí	4	3	1	4	1	4		
10	GDCD-GDKTPL	5	4	1	5	3	5		
11	Tiếng Anh	10	9	1	11	5	10	1	
12	Thể dục	5	4	1	5	1	5	1	
13	GDQP	2	2	0	2	0	2	1	
14	Âm nhạc	1	0	1	1	0	1		
15	Mỹ thuật	0	0	0	0	0			
16	GD địa phương			0	0				
17	HĐTNHN			0	0				
TỔNG GIÁO VIÊN		76	51	25	76 (100%)	36 (47,4%)			
III. Nhân viên									
1	Văn thư	1	1		1	1			
2	Kế toán	1		1	1	1			
3	Y tế	1		1	1				
4	Thư viện	1	1		1	1			
5	Thủ quỹ	1		1	1	1			
6	Lao công	1		1	1				
7	Bảo vệ	4		4	4				
8	Sửa chữa nhỏ	1		1	1				
TỔNG NHÂN VIÊN		11	2	9	11 (100%)	4 (36,4%)			
TOÀN TRƯỞNG		90	56	34	100%	43/90 (47.8%)			

100% CBGV đều đạt chuẩn nghề nghiệp từ Khá, Tốt trở lên.

100% cán bộ, giáo viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

2. So sánh số liệu với năm học trước liền kề

Số lượng CBGVNV giảm từ 106 đồng chí xuống còn 90 đồng chí (giảm 16 đ/c). Nguyên nhân: 13 giáo viên hợp đồng xin nghỉ từ đầu năm học 2024-2025 do nhà trường đã có đủ giáo viên biên chế; 02 giáo viên biên chế chuyển công tác; 01 nhân viên lao công nghỉ.

- Tăng tỷ lệ CBGVNV đạt trình độ chuyên môn trên chuẩn.

II. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Số liệu tại thời điểm báo cáo

a. Diện tích khu đất

Trường THPT Nguyễn Quốc Trinh được thành lập năm 2019, cơ sở vật chất giai đoạn 1 khá đồng bộ, có đầy đủ các phòng học, phòng bộ môn, phòng chức năng, khu hành chính. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đáp ứng tốt chương trình GDPT 2018. Với diện tích 32.000 m² có sân chơi, bãi tập, nhà thể chất, khuôn viên nhà trường rộng, có đầy đủ tường bao, kiên cố. Vị trí địa lý, mạng lưới giao thông khá thuận lợi cho việc đi lại của học sinh khi đến trường, khuôn viên nhà trường có đầy đủ hệ thống cây xanh, bồn hoa, cây cảnh.

- Năm 2024, UBND huyện Thanh Trì thực hiện triển khai cải tạo, xây dựng nâng cấp trường THPT Nguyễn Quốc Trinh trên cơ sở giai đoạn 2 của dự án đã được phê duyệt năm 2010 với 20 phòng (chức năng, phòng học thông thường).

* Thông tin chung số phòng học hiện tại:

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	22	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	22	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	6	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	
7	Bình quân lớp/phòng học		1 lớp/1 phòng
8	Bình quân học sinh/lớp		42.6 HS/lớp
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	32,000	18,75
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	20,000	11,72
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1340	

2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	402	
3	Diện tích thư viện (m ²)	60	Dùng chung
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	769	Dùng chung
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	70	-
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	Đủ	
1.1	Khối lớp 10	Đủ	
1.2	Khối lớp 11	Đủ	
1.3	Khối lớp 12	Đủ	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	-
2.1	Khối lớp 10	0	-
2.2	Khối lớp 11	0	-
2.3	Khối lớp 12	0	-
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	-
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	68	Dùng chung
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		
1	Ti vi	18	Dùng chung
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	30	
5	Thiết bị khác...		
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	0	
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	23	
5	Thiết bị khác...	0	
	Nội dung	Số lượng (m ²)	
X	Nhà bếp	01 (40 m ²)	
XI	Nhà ăn	01 (120 m ²)	

10

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ		
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0		
XIII	Khu nội trú	0	0	0		
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
		1	Đạt chuẩn vệ sinh*	6		14
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

b. Khối phòng hành chính quản trị, phòng học tập, hỗ trợ học tập, phụ trợ, sân chơi, hạ tầng kỹ thuật...

Khối hành chính - quản trị được bố trí tại 1 khu nhà A kiên cố riêng biệt với 3 tầng nhà Hiệu bộ, đủ điều kiện đáp ứng cho hoạt động của nhà trường. Các phòng đều có ánh sáng tự nhiên, thoáng, mát; Cảnh tin hiện đại, sạch đẹp, đảm bảo sức khỏe, vệ sinh, an toàn cho học sinh và giáo viên, nhân viên nhà trường. Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị máy tính kết nối internet, máy in, máy photocopy, scan, tủ đựng tài liệu, bảo mật, điện thoại bàn được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của Nhà trường.

Nhà trường có 04 phòng tổ chuyên môn (24 m² một phòng), 03 phòng làm việc của lãnh đạo, 01 hội trường, 01 phòng chờ cho giáo viên (72,5 m²), 01 phòng y tế (24 m²), 01 phòng Đoàn thanh niên (24 m²), 01 phòng văn thư (24 m²), 01 thư viện (60 m²), 01 nhà kho và các phòng khác theo quy định. Các phòng đều có đủ cơ sở vật chất để phục vụ hoạt động. Phòng y tế nhà trường rộng 24 m², có đầy đủ trang thiết bị y tế tối thiểu, có đủ các loại thuốc thiết yếu đáp ứng việc sơ cứu ban đầu cho giáo viên và học sinh.

Nhà trường có đủ phòng học bộ môn theo quy định: Tin học 02 phòng, Công nghệ 01 phòng, Vật lý 01 phòng, Hóa học 01 phòng, Sinh học 01 phòng, Âm nhạc

01 phòng, trong đó các phòng đều có lắp đặt máy chiếu projector riêng biệt. Các phòng bộ môn đều được sử dụng thường xuyên, có hiệu quả. Các phòng thực hành Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công nghệ đều có phòng nhỏ chuẩn bị hóa chất, đồ dùng bên cạnh phòng thực hành theo đúng qui định.

Khu để xe giáo viên, nhân viên rộng 196 m², có 1 phòng bảo vệ; khu để xe cho học sinh rộng rãi, sạch sẽ. Toàn bộ khu để xe của giáo viên và học sinh đều có hệ thống tường rào xung quanh, đảm bảo thẩm mỹ và an ninh trật tự. Khu vực để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh riêng biệt, rộng, thoáng, có mái tôn che mưa nắng, được bố trí hợp lý, dọc men theo tường rào kiên cố đảm bảo mỹ quan, gần các lối đi lại xung quanh trường và có lắp hệ thống camera giám sát, để quản lý, đảm bảo an toàn, sắp xếp khoa học gọn gàng và sạch đẹp. Khu để xe học sinh rộng 900 m² đặt ở bên cạnh nhà C, đảm bảo sự thuận tiện, an toàn, riêng biệt khỏi khu học tập, tránh ảnh hưởng tới vấn đề học tập của học sinh, được phân chia theo khối lớp, được nhân viên bảo vệ thường xuyên nhắc nhở và giám sát học sinh để xe gọn gàng, tiện lợi, khoa học đúng nơi quy định; đảm bảo chứa đủ xe của học sinh trong trường. Khu nhà xe của giáo viên khoảng 196m² có chia khu cho các tổ bộ môn, ở ngay gần cổng trường đi vào, đảm bảo khoa học, gọn gàng nên thuận lợi cho việc giáo viên để xe.

Khu sân chơi bãi tập của trường rộng, trang bị đầy đủ các thiết bị cần có để tập luyện các môn thể dục thể thao của học sinh THPT. Sân trường rộng rãi có hệ thống bạt dù tạo bóng mát cho học sinh tập trung trong các giờ chào cờ đầu tuần, thuận lợi cho việc tổ chức các hoạt động tập thể. Nhà thể chất, bãi tập được bố trí tách biệt hoàn toàn với khu phòng học, thuận tiện cho các giờ học giáo dục thể chất, không ảnh hưởng đến giờ học văn hóa. Trường có khuôn viên thoáng mát, thiết kế sân và xung quanh trường tạo không gian sáng, xanh, sạch, đẹp. Có sân bóng đá, sân bóng rổ, cầu lông và các thiết bị thể thao ngoài trời, đáp ứng yêu cầu để tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Hạ tầng kỹ thuật:

Hệ thống cấp nước sạch: Đáp ứng nhu cầu sử dụng, đảm bảo các quy định và tiêu chuẩn chất lượng, có hệ thống thoát nước, cống thu gom kết hợp rãnh có nắp đậy.

Hệ thống cấp điện: Nhà trường có trạm biến áp, bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của trường.

Hệ thống phòng cháy chữa cháy: Nhà trường có phương án PCCC, bể chứa nước, máy bơm, các trang thiết bị PCCC theo quy định.

Hệ thống thông tin liên lạc: Nhà trường có điện thoại cố định, đường truyền cáp quang đảm bảo 100% các phòng học, phòng làm việc đều có mạng internet.

Khu thu gom rác thải: Bố trí độc lập, xa khu vực làm việc, học tập, không ảnh hưởng đến môi trường.

c. Số thiết bị dạy học hiện có: Thiết bị dạy học được trang bị đầy đủ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

d. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong năm học 2024-2025

	KHỐI 10	KHỐI 11	KHỐI 12
I.	SÁCH GIÁO KHOA KẾT NỐI		
1	Toán 10, tập 1 (Kết nối)	Toán 11, tập 1 (Kết nối)	Toán 12, tập 1 (Kết nối)
2	Toán 10, tập 2 (Kết nối)	Toán 11, tập 2 (Kết nối)	Toán 12, tập 2 (Kết nối)
3	Chuyên đề học tập Toán 10 (Kết nối)	Chuyên đề học tập Toán 11 (Kết nối)	Chuyên đề học tập Toán 12 (Kết nối)
4	Tiếng Anh 10 Global Success - Sách học sinh	Tiếng Anh 11 Global Success - Sách học sinh	Tiếng Anh 12 Global Success - Sách học sinh
5	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp 10 (Kết nối)	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11 (Kết nối)	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12 (Kết nối)
6	Giáo dục Quốc phòng và An ninh 10	Giáo dục Quốc phòng và An ninh 11	Giáo dục thể chất 12 - Cầu lông (Kết nối)
7	Giáo dục thể chất 10, Bóng đá (Kết nối)	Giáo dục thể chất 11 - Bóng rổ (Kết nối)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh 12
10	Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10 (Kết nối)	Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 11 (Kết nối)	Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 12 (Kết nối)
9	Vật lý 10 (Kết nối)	Vật lý 11 (Kết nối)	Vật lý 12 (Kết nối)
10	Chuyên đề học tập Vật lý 10 (Kết nối)	Chuyên đề học tập Vật lý 11 (Kết nối)	Chuyên đề học tập Vật lý 12 (Kết nối)
11	Hóa học 10 (Kết nối)	Hóa học 11 (Kết nối)	Hóa học 12 (Kết nối)
12	Chuyên đề học tập Hóa học 10 (Kết nối)	Chuyên đề học tập Hóa học 11 (Kết nối)	Chuyên đề học tập Hóa học 12 (Kết nối)
13	Âm nhạc 10 (Kết nối)	Âm nhạc 11 (Kết nối)	
14	TLCĐ GD nếp sống VMTL cho học sinh Hà Nội - Lớp 10	TLCĐ GD nếp sống TLVM 11	
II	SÁCH BÀI TẬP KẾT NỐI		
1	Bài tập Toán 10, tập 1 (Kết nối)	Bài tập Toán 11, tập 1 (Kết nối)	Bài tập Toán 12, tập 1 (Kết nối)
2	Bài tập Toán 10, tập 2 (Kết nối)	Bài tập Toán 11, tập 2 (Kết nối)	Bài tập Toán 12, tập 2 (Kết nối)
3	Tiếng Anh 10 Global Success - Sách bài tập	Tiếng Anh 11 Global Success - Sách bài tập	Tiếng Anh 12 Global Success - Sách bài tập
4	Bài tập Vật lý 10 (Kết nối)	Bài tập Vật lý 11 (Kết nối)	Bài tập Vật lý 12 (Kết nối)
5	Bài tập Hóa học 10 (Kết nối)	Bài tập Hóa học 11 (Kết nối)	Bài tập Hóa học 12 (Kết nối)
III	SÁCH GIÁO KHOA + CHUYÊN ĐỀ CÁNHIỆU		

1	Ngữ văn 10, tập 1 (Cánh diều)	Ngữ văn 11, tập 1 (Cánh diều)	Ngữ văn 12, tập 1 (Cánh diều)
2	Ngữ văn 10, tập 2 (Cánh diều)	Ngữ văn 11, tập 2 (Cánh diều)	Ngữ văn 12, tập 2 (Cánh diều)
3	Chuyên đề học tập Ngữ văn 10 (Cánh diều)	Chuyên đề học tập Ngữ văn 11 (Cánh diều)	Chuyên đề học tập Ngữ văn 12 (Cánh diều)
4	Lịch sử 10 (Cánh diều)	Lịch sử 11 (Cánh diều)	Lịch sử 12 (Cánh diều)
5	Chuyên đề học tập Lịch sử 10 (Cánh diều)	Chuyên đề học tập Lịch sử 11 (Cánh diều)	Chuyên đề học tập Lịch sử 12 (Cánh diều)
6	Địa lí 10 (Cánh diều)	Địa lí 11 (Cánh diều)	Địa lí 12 (Cánh diều)
7	Sinh học 10 (Cánh diều)	Sinh học 11 (Cánh diều)	Sinh học 12 (Cánh diều)
9	Tin học 10 (Cánh diều)	Tin học 11 - Tin học ứng dụng (Cánh diều)	Tin học 12 - Tin học ứng dụng (Cánh diều)
10	Công nghệ 10 (Thiết kế & Công nghệ) (Cánh diều)	Công nghệ 11 - Công nghệ cơ khí (Cánh diều)	Chuyên đề học tập Sinh học 12 (Cánh diều)
11			Chuyên đề học tập Địa lí 12 (Cánh diều)
IV	SÁCH BÀI TẬP CÁNH DIỀU		
1	Bài tập Ngữ văn 10, tập 1 (Cánh diều)	Bài tập Ngữ văn 11, tập 1 (Cánh diều)	Bài tập Ngữ văn 12, tập 1 (Cánh diều)
2	Bài tập Ngữ văn 10, tập 2 (Cánh diều)	Bài tập Ngữ văn 11, tập 2 (Cánh diều)	Bài tập Ngữ văn 12, tập 2 (Cánh diều)
3	Atlas Địa lý Việt Nam	Atlas Địa lý Việt Nam	Atlas Địa lý Việt Nam

2. So sánh số liệu với năm học trước liền kề

+ Lắp đặt màn hình tivi 65 inch tại 04 phòng học và có biên bản bàn giao cho GVCN của các lớp.

+ Cải tạo, lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng cho sân bóng để phục vụ cho các hoạt động thể thao của nhà trường.

+ Sửa chữa khu luyện tập ngoài trời với sự đồng ý của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội.

+ Cải tạo, nâng cấp sân khấu ngoài trời phục vụ cho các hoạt động giáo dục dưới sân trường.

+ Lắp đặt hệ thống Camera ở tất cả các phòng học, phòng chức năng, khu vực hành lang, cổng trường.

+ Bổ sung các sân thi đấu thể thao ngoài trời: 02 sân cầu lông, 01 sân bóng rổ.

III. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông,

cơ sở giáo dục thường xuyên; Thực hiện Công văn số 520/SGDDĐT-KHTC ngày 26/2/2024 của Sở GDĐT Hà Nội về việc thực hiện công tác xây dựng trường chuẩn Quốc gia năm 2024, trường THPT Nguyễn Quốc Trinh đã ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá số 124/QĐ-THPTNQT ngày 06/5/2024. Công cụ đánh giá: Sử dụng bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình tự đánh giá: Thành lập Hội đồng tự đánh giá gồm 22 thành viên với đầy đủ các thành phần (Cấp uỷ, Ban giám hiệu, Chủ tịch công đoàn, Bí thư đoàn trường, đại diện cha mẹ học sinh, đại diện tổ trưởng chuyên môn, hành chính, đại diện giáo viên, nhân viên), phân công công việc rõ ràng cho từng thành viên.

Hội đồng tự đánh giá đã triển khai các cuộc họp để thống nhất quá trình đánh giá, phân công công việc, trách nhiệm của từng thành viên trong Hội đồng. Mỗi thành viên được phân công thu thập tài liệu, nghiên cứu đánh giá và hoàn thành các tiêu chí được giao bao gồm từ mô tả hiện trạng đến tự đánh giá và đầy đủ các minh chứng. Hội đồng tự đánh giá đã đánh giá các tiêu chuẩn, tiêu chí và chỉ báo từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024 theo đúng quy trình hướng dẫn của Bộ GDĐT.

Quá trình tự đánh giá của nhà trường được thực hiện theo 07 bước:

1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá;
2. Lập kế hoạch tự đánh giá;
3. Thu thập xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng;
4. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí;
5. Viết báo cáo tự đánh giá;
6. Công bố báo cáo tự đánh giá;
7. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Kết quả đánh giá:

Nhà trường được Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội công nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 3 năm 2024 theo Quyết định số 3033/QĐ-SGDĐT ngày 11/12/2024. Cụ thể:

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	x

Tiêu chí 1.6		x	x	x
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chí 2.4		x	x	x
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	x
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chí 3.4		x	x	
Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	x
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	x
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	
Tiêu chí 5.4		x	x	
Tiêu chí 5.5		x	x	x
Tiêu chí 5.6		x	x	x

Kết quả: Đạt Mức 3.

Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 01		x	
Tiêu chí 02	x		
Tiêu chí 03	x		
Tiêu chí 04		x	
Tiêu chí 05		x	

Kết quả: Đạt Mức 4: Đạt 2/4

Kết luận: Trường đạt Mức 3

Nhà trường sẽ tiếp tục xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục sau đánh giá để khắc phục những hạn chế nhằm đưa chất lượng dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch giáo dục của năm học

a. Công tác tuyển sinh năm học 2024-2025:

+ Chỉ tiêu được giao: 630 học sinh

+ Học sinh tuyển được: 629 học sinh

Phương thức, thời gian tuyển sinh thực hiện đầy đủ theo hướng dẫn của Sở GD&ĐT Hà Nội.

- Cam kết chất lượng giáo dục năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	Đảm bảo đúng theo quy định của Sở GD&ĐT Hà Nội		
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Thực hiện theo chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở GD&ĐT Hà Nội, chương trình giáo dục nhà trường được Sở GD&ĐT phê duyệt.		
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Phối hợp chặt chẽ, thường xuyên và kịp thời giữa nhà trường và gia đình. - Học sinh có ý thức tự giác học tập, tu dưỡng đạo đức, lễ phép văn minh trong ứng xử, chấp hành tốt luật pháp và tích cực tham gia các hoạt động đoàn thể.		
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; tổ chức các hoạt động GD ngoài giờ lên lớp; GD hướng nghiệp; các hội thi; tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo vui tươi lành mạnh gắn với hỗ trợ học tập cho học sinh.		
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Về học lực: Tốt: 28.2%; Khá 62.6%; Đạt 9.2%, Chưa đạt: 0% - Về hạnh kiểm: Tỷ lệ HS xếp loại Tốt: 89.3%; Khá: 10.7%; Không có HS đạt/chưa đạt. - 100% học sinh đạt yêu cầu về rèn luyện thân thể.	- Về học lực: Tốt: 30.6%; Khá 68.6%; Đạt 0.8%, Chưa đạt: 0% - Về hạnh kiểm: Tỷ lệ HS xếp loại Tốt: 91.2%; Khá: 8.6%; Đạt: 0.2%; Không có HS đạt/chưa đạt. - 100% học sinh đạt yêu cầu về rèn luyện thân thể.	- Về học lực: Tốt: 39.2%; Khá 58.2%; Đạt 2.5%, Chưa đạt: 0% - Về hạnh kiểm: Tỷ lệ HS xếp loại Tốt: 90.2%; Khá: 9.1%; Đạt: 0.8%; Không có HS đạt/chưa đạt. - 100% học sinh đạt yêu cầu về rèn luyện thân thể.

VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Tỉ lệ học sinh lên lớp đạt 100%	Tỉ lệ học sinh lên lớp đạt 100%	Tỷ lệ tốt nghiệp THPT cao hơn TB thành phố, học sinh vào Đại học đạt >90%.
----	--	---------------------------------	---------------------------------	--

b. Kế hoạch giáo dục của nhà trường: Kế hoạch số 280/KH-THPTNQT ngày 6/9/2024 của trường THPT Nguyễn Quốc Trinh.

c. Quy chế phối hợp hiệu quả giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong công tác giáo dục học sinh: Đảm bảo hiệu quả, góp phần nâng cao trách nhiệm giữa gia đình và xã hội trong việc phối hợp giáo dục học sinh.

d. Các chương trình, hoạt động, học tập, rèn luyện cho học sinh

Ngoài chương trình chính khoá theo chương trình giáo dục hiện hành, học sinh được tham gia các hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khoá, tham quan ngoại khoá, các câu lạc bộ do nhà trường tổ chức.

2. Thông tin kết quả giáo dục thực tế của năm học trước.

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1678	560	551	567
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)		551/560= 91.25%	486/551= 88.2%	519/567= 91.53%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)		44/560= 7.86%	58/551= 10.53%	47/567= 8.29%
3	Đạt (K10,11)/Trung bình (K12) (tỷ lệ so với tổng số)		5/560= 0.89%	7/551= 1.27%	1/567= 0.18%
4	Chưa đạt (K10,11)/Yếu (K12) (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	1678	560	551	567
1	Tốt (K10,11)/Giỏi (K12) (tỷ lệ so với tổng số)		228/560= 40.71%	265/551= 48.09%	309/567= 54.5%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)		323/560= 57.68%	265/551= 48.09%	254/567= 44.8%
3	Đạt (K10,11)/Trung bình (K12) (tỷ lệ so với tổng số)		9/560= 1.61%	21/551= 3.81%	4/567= 0.71%
4	Chưa đạt (K10,11)/Yếu (K12) (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1678	560	551	567
1	Lên lớp	1678	560	551	567

	(tỷ lệ so với tổng số)		(100%)	(100%)	(100%)
a	Học sinh Xuất sắc (K10,11) (tỷ lệ so với tổng số)		7/560= 1.25%	16/551= 2.9%	
b	Học sinh Giỏi (K10,11)/ Giỏi (K12)		219/560= 39.11%	243/551= 44.1%	309/567= 54.5%
c	Học sinh tiên tiến (K12) (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	254/567= 44.8%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)		7/33	7/27	0/4
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
6	Bỏ học, chuyển đi học nghề (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	1	0	1	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi				
1	Cấp tỉnh/thành phố				3
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				
3	Cấp trường				45
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghệp				567
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghệp				567
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)				100%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)				502/567= 88.5%
VIII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)				
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	891/78 7	285/275	292/259	314/253
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	4	2	1	1

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai tài chính năm 2023

a. Nguồn ngân sách

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao đầu năm / Số thu (ĐVT Nghìn đồng)	Số quyết toán (ĐVT Nghìn đồng)
1	2	3	
1	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	12.412.792	12.405.392
*	Kinh phí ngân sách Thành phố hỗ trợ chi thường xuyên	12.412.792	12.405.392
	Trong đó - Kinh phí ngân sách Thành phố cấp bù tiền miễn, giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ	24.300	16.900
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.563.349	2.179.380
	.- Hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ; học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập cho người khuyết tật.	4.050	4.050
	Kinh phí ngân sách cấp chênh lệch giữa mức học phí năm học 2022-2023 và mức học phí thực tế học sinh phải nộp năm học 2021-2022 theo NQ 17/2022/NQ- HĐND ngày 12/9/2022	1.287.779	923.080
	Hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non và học sinh phổ thông trên địa bàn Thành phố năm học 2022-2023 theo Nghị quyết số 18/2022/NQ - HĐND ngày 12/09/2022 của HĐND Thành Phố	2.520	1.320
	Chi mua sắm (theo danh mục)	969.000	1.250.930
	Dự toán giao bổ sung (KP mua sắm ngoài định mức)	300.000	

b. Nguồn dịch vụ: Không có

2. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2023-2024 và đầu năm học 2024-2025

* Học sinh miễn giảm kỳ 1 năm học 2023-2024.

TT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Lớp	HS Thuộc diện	Ghi chú
I	Học sinh mồ côi cha mẹ				
1	Ngô Thảo Chi	21/02/2008	10D7	Mồ côi cha mẹ	

2	Nguyễn Hồng Nhung	08/04/2007	11D6	Mồ côi cha mẹ	
II	Học sinh khuyết tật				
1	Nguyễn Văn Hải	28/03/2006	12A3	Khuyết tật	
IV	Thuộc diện cận hộ nghèo				
1	Nguyễn Trung Đức	01/01/2008	10A4	Hộ cận nghèo	=
2	Lương Tuấn Hùng	02/08/2008	10A4	Hộ cận nghèo	
3	Hoàng Ngọc Hà	18/03/2008	10D1	Hộ cận nghèo	
4	Nguyễn Đức Duy	26/06/2008	10D1	Hộ cận nghèo	
5	Vũ Thùy Trang	30/11/2008	10D4	Hộ cận nghèo	
6	Nguyễn Thị Lan	15/06/2008	10D5	Hộ cận nghèo	
7	Nguyễn Hà Trang	10/08/2008	10D8	Hộ cận nghèo	
8	Nguyễn Thị Minh	25/06/2007	11D1	Hộ cận nghèo	
9	Lê Ngọc Bảo Như	08/03/2007	11D2	Hộ cận nghèo	
10	Nguyễn Việt Hùng	25/07/2007	11D4	Hộ cận nghèo	
11	Hoàng Bảo Yên	20/03/2007	11D9	Hộ cận nghèo	
12	Ngô Văn Trung	21/06/2006	12A4	Hộ cận nghèo	
13	Nguyễn Thị Thúy Hồng	02/11/2006	12D6	Hộ cận nghèo	
14	Đinh Thị Huyền Mi	21/11/2006	12D9	Hộ cận nghèo	
15	Mai Ngọc Ánh	12/05/2006	12D10	Hộ cận nghèo	

*** Học sinh miễn giảm kỳ 2 năm học 2023-2024.**

TT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Lớp	Thuộc diện chính sách	Ghi chú
I	Học sinh mồ côi cha mẹ				
1	Ngô Thảo Chi	21/02/2008	10D7	Mồ côi cha mẹ	
2	Nguyễn Hồng Nhung	08/04/2007	11D6	Mồ côi cha mẹ	
II	Khuyết tật				

1	Nguyễn Văn Hải	28/03/2006	12A3	Khuyết tật	
III	Thuộc diện cận hộ nghèo				
1	Lương Tuấn Hùng	02/08/2008	10A4	Hộ cận nghèo	
2	Nguyễn Trung Đức	01/01/2008	10A4	Hộ cận nghèo	
3	Nguyễn Thị Lan	15/06/2008	10D5	Hộ cận nghèo	
4	Lê Ngọc Bảo Như	08/03/2007	11D2	Hộ cận nghèo	
5	Nguyễn Viết Hùng	25/07/2007	11D4	Hộ cận nghèo	
6	Hoàng Bảo Yến	20/03/2007	11D9	Hộ cận nghèo	
7	Đinh Thị Huyền Mi	21/11/2006	12D9	Hộ cận nghèo	

*** Học sinh miễn giảm kỳ 1 năm học 2024-2025**

DANH SÁCH HỘ NGHÈO, CẬN NGHÈO, KHÓ KHĂN KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025					
TT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Lớp	Thuộc diện chính sách	Ghi chú
I	Học sinh mồ côi cha mẹ				
1	Nguyễn Bảo Lâm	25/10/2009	10D7	Mồ côi cha mẹ	
2	Ngô Thảo Chi	21/02/2008	11D7	Mồ côi cha mẹ	
3	Doãn Nguyễn Bảo Châu	01/09/2008	11D9	Mồ côi cha mẹ	
II	Bệnh binh				
1	Lại Tú Linh	28/08/2009	10D4	Bệnh binh	
III	Thuộc diện cận hộ nghèo				
1	Mã Văn Hoàng	10/01/2009	10A5	Hộ cận nghèo	
2	Nguyễn Thị Minh Ngọc	07/01/2009	10D9	Hộ cận nghèo	
3	Nguyễn Trung Đức	01/01/2008	11A4	Hộ cận nghèo	
4	Lương Tuấn Hùng	02/08/2008	11A4	Hộ cận nghèo	
5	Lê Ngọc Bảo Như	08/03/2007	12D2	Hộ cận nghèo	
6	Nguyễn Viết Hùng	25/07/2007	12D4	Hộ cận nghèo	

Nhà trường thực hiện miễn giảm theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở

giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

3. Công khai các khoản thu năm học 2023-2024 và năm học 2024-2025

* Năm học 2023-2024

TT	Nội dung	ĐV tính	Mức thu (đồng)	Ghi chú
I	Khoản thu theo quy định			
1	Học phí	Đ/HS/tháng	200.000đ	Theo NQ số 17/2022/NQ - HĐND ngày 12/09/2022
II	Khoản thu bắt buộc			
1	Bảo hiểm y tế năm 2022 khối 12	Đ/HS/9tháng	510.300 đ	Thu theo hướng dẫn BHXH Thành phố Hà Nội
2	Bảo hiểm y tế năm 2022 khối 10,11	Đ/HS/12 tháng	680.400đ	
III	Khoản thu thỏa thuận			
1	Thu nước uống học sinh	Đ/HS/tháng	10000đ-12000 đ	Thu theo kỳ, thu theo thực tế tháng học trực tiếp
2	Thu dạy thêm, học thêm	Đ/HS/ tiết học	+ 7.000 đồng/học sinh/tiết học đối với lớp từ 40HS trở lên; +8.000 đồng/học sinh/tiết học đối với lớp từ 30- dưới 40HS; +10.000 đồng/học sinh/tiết học đối với lớp từ 20- dưới 30HS; + 16.000 đồng/học sinh/tiết học đối với lớp từ 10- dưới 20HS; + 32.000 đồng/học sinh/tiết học đối với lớp từ 01- dưới 10HS;	Theo QĐ số 22/2013/QĐ-UBND
IV	Khoản thu khác			
1	Thu hỗ trợ tiếng Anh nước ngoài (nếu có)	Đ/HS/ tiết học	50.000 đ	Thu theo tiết học thực tế, thỏa thuận
2	Bảo hiểm thân thể (tự nguyện)	Đ/HS/năm học	100.000 đ	
3	Kinh phí hoạt động của ban đại diện CMHS	Đ/HS/kỳ	Mức thu ủng hộ tự nguyện, trích từ quỹ CMHS lớp	

* Năm học 2024-2025

TT	Khoản thu	Mức thu	Dự kiến chi
I	Khoản thu bắt buộc		
1	Thu Bảo hiểm y tế HS khối 10, khối 11	884.520 đồng/học sinh/ 12 tháng	Chuyển 100% mua BHYT tại BHXH huyện Thanh Trì

	Thu Bảo hiểm y tế học sinh khối 12	663.390 đồng/học sinh/ 9 tháng	(thu theo HD tại CV 451/BHXXH Thanh trì ngày 12/8/2024)
II	Khoản thu thỏa thuận		
1	Nước uống học sinh	16.000 đồng/học sinh/tháng	Chuyển 100% cho đơn vị cung cấp nước tinh khiết
2	Học thêm	+ 7.000 đồng/học sinh/tiết học đối với lớp từ 40HS trở lên; +8.000 đồng/học sinh/tiết học đối với lớp từ 30- dưới 40HS; +10.000 đồng/học sinh/tiết học đối với lớp từ 20- dưới 30HS; + 16.000 đồng/học sinh/tiết học đối với lớp từ 10- dưới 20HS; + 32.000 đồng/học sinh/tiết học đối với lớp từ 01- dưới 10HS;	Thu theo QĐ số 22/2013/QĐ-UBND ngày 25/6/2013:
3	Hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp cho học sinh, hỗ trợ các HĐ đoàn do nhà trường tổ chức (các HĐ chuyên đề).	Thu theo NQ 03/2024/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của HĐND TP. Hà Nội	Chưa thực hiện mức thu theo Nghị quyết 03/2024/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của HĐND TP. Hà Nội vì chưa có hướng dẫn cụ thể của cơ quan, chức năng.
III	Khoản thu khác		
1	Bảo hiểm thân thể	120.000đồng/học sinh/ năm học	Chuyển 100% cho Tổng công ty CP Bảo hiểm hàng không
2	Tiếng Anh nước ngoài (do giáo viên bản địa giảng dạy)	50.000 đồng/ HS/tiết	Đơn vị liên kết thu 100% số tiết học thực tế từ các lớp.
3	Tiếng Anh IELTS	Theo thỏa thuận giữa CMHS và trung tâm tổ chức	Đơn vị liên kết thu 100% số tiết học thực tế từ các lớp.
4	Tiền điện sử dụng điều hòa tại các phòng học sinh	Thu theo số thực tế sử dụng trên công tơ (thu hộ CMHS)	
IV	Kinh phí hoạt động của ban đại diện CMHS trường	Do cha mẹ học sinh quyết định từ quỹ CMHS của lớp	
V	Các khoản thu khác (nếu có)	Các khoản thu khác được bàn bạc, thống nhất giữa nhà trường và CMHS	

4. Công khai dự toán thu chi 6 tháng đầu năm 2024

Đvt: Nghìn đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện 6 tháng năm 2024	(Tỷ lệ %)	Ghi chú
-------	----------	-------------	----------------------------	-----------	---------

1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	5.976.511	2.463.696		
	Lệ phí...				
1	Lệ phí...				
2	Phí				
	Học phí	3.307.792	571.074	17,3%	
	Học thêm	2.668.719	1.892.622	71,0%	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	14.695.639	4.551.174	31%	
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	14.695.639	4.551.174	31,0%	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	14.482.139	4.551.174	31,0%	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	213.500	0		

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ III NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường THPT Nguyễn Quốc Trinh công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 3 năm 2024 như sau:

Đvt: Nghìn đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện Quý 3 năm 2024	(Tỷ lệ %)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	6.685.529	5.006.475		
	Lệ phí...				
1	Lệ phí...				
2	Phí				
	Học phí	3.307.792	2.248.789	70,0%	
	Học thêm	3.377.737	2.757.686	81,6%	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	14.695.639	6.508.647	44%	
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				

1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	14.695.639	6.508.647	44,3%	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	14.482.139	6.508.647	44,3%	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	213.500	0		

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Công tác tổ chức cán bộ

- Đội ngũ CBGV, NV đều có trình độ chuyên môn, trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn, phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, chung sức đồng lòng trong việc thực hiện nhiệm vụ.

- Tổng số CBGVNV, LDHĐ được đánh giá năm học 2023-2024 là 71 đ/c (không tính giáo viên diện thỉnh giảng tại trường). Trong đó: 71 CBGVNV đạt Lao động tiên tiến; 11 đ/c hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ; 60 đ/c hoàn thành Tốt nhiệm vụ, không có đ/c hoàn thành và không hoàn thành nhiệm vụ.

- Thực hiện đánh giá giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp: Ban Giám hiệu căn cứ hướng dẫn, chỉ đạo của Sở GD&ĐT Hà Nội, chỉ đạo tổ chuyên môn và giáo viên có kế hoạch tự bồi dưỡng theo chuẩn nghề nghiệp ngay từ đầu năm học. Kết quả:

Năm học	Tổng số giáo viên (Biên chế)	Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp (%)			
		Tốt	Khá	TB	Kém
2021-2022	18	2	16	0	0
2022-2023	18	18	0	0	0
2023-2024	53	53	0	0	0

2. Công tác chuyên môn

- Công tác giáo dục mũi nhọn

Ngay từ đầu các năm học, nhà trường đã chủ động xây dựng Kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Sở GD&ĐT và thực tế của nhà trường, quản lý chặt chẽ sĩ số học sinh, chất lượng dạy học; Tổ chức thi Olympic cấp trường dành cho học sinh khối 11 để chọn, thành lập các đội tuyển HSG khối 11 để triển khai bồi dưỡng. Phân công chuyên môn cho giáo viên một cách hợp lý. Lựa chọn giáo viên có năng lực chuyên môn giỏi, có tinh thần trách nhiệm theo tinh thần vừa có tính kế thừa, vừa phát huy kinh nghiệm, tổ chức họp bộ phận giáo viên dạy học sinh giỏi, thống nhất kế hoạch, nội dung, chương trình,

quản lý nền nếp. Có chế độ động viên, khuyến khích, khen thưởng kịp thời đối với giáo viên và học sinh tham gia; tổ chức trao thưởng cho học sinh và giáo viên có học sinh đạt giải. Chỉ đạo tổ chuyên môn soạn chương trình, nội dung bồi dưỡng rõ ràng, cụ thể, chi tiết cho từng mảng kiến thức và rèn kỹ năng làm bài, nghiên cứu và tìm hiểu kỹ về đề thi học sinh giỏi thành phố trong vòng 5 năm gần đây. Phát hiện học sinh năng khiếu của môn học và tạo động lực, hứng thú cho học sinh là điều then chốt trong việc giảng dạy.

- Kết quả thi học sinh giỏi cấp Thành phố các năm học:

Năm học	Tổng số HS tham dự	Tổng số giải đạt	Nhất	Nhì	Ba	Khuyến khích
2021-2022	16	5	0	0	1	4
2022-2023	16	7	0	2	0	5
2023-2024	16	3	0	2	0	1
2024-2025	16	9 học sinh đạt điểm từ 10/20 điểm, trong đó có 01 HS dự thi môn Tiếng Anh đạt 14/20 điểm				

- Công tác giáo dục đại trà

Xếp loại Học lực năm học 2023-2024: Tỷ lệ học sinh xếp loại học lực Giỏi, Khá (khối 12); học lực Tốt, Khá (khối 10, 11) đều tăng so với cùng kỳ năm học trước.

- Công tác kiểm tra nội bộ năm học 2023-2024: 17 giáo viên trong diện kiểm tra toàn diện theo kế hoạch trong đó 15 hồ sơ thanh tra toàn diện đạt loại Tốt (88,2%), 2 hồ sơ thanh tra toàn diện đạt loại Khá (11,8%). Kiểm tra chuyên đề theo kế hoạch xây dựng.

- Năm học 2024-2025 là năm học cả 3 khối 10,11,12 thực hiện chương trình GDPT 2018. Công tác chuyên môn được nhà trường đầu tư, chú trọng ngay từ đầu năm học. 100% cán bộ, giáo viên xây dựng kế hoạch cá nhân được tổ chuyên môn và nhà trường phê duyệt. 100% các tổ chuyên môn đã xây dựng được đề kiểm tra khảo sát theo dạng đề minh họa của Bộ để nhà trường sẽ thực hiện khảo sát với khối 12. Dự kiến thực hiện vào tháng 2 trước khi Sở GDĐT tổ chức cho học sinh khối 11, 12 toàn thành phố. 02 giáo viên đạt giải Ba trong Hội thi “Giáo viên dạy giỏi cấp cụm”.

3. Công tác giáo dục đạo đức học sinh

- Công tác giáo dục đạo đức học sinh luôn được nhà trường chú trọng. Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã xây dựng các kế hoạch, tổ chức thực hiện tốt công tác giáo dục học sinh bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng như: Tổ chức các buổi tọa đàm, các câu lạc bộ, tổ chức các chuyên đề, hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp ...Kết quả xếp loại hạnh kiểm Tốt, Khá đều đạt trên 98%, giảm tỷ lệ học sinh hạnh kiểm Đạt và chưa đạt.

4. Cơ sở vật chất

- Ngay từ đầu các năm học, nhà trường cho rà soát cơ sở vật chất, trang thiết bị đồ dùng dạy học và có kế hoạch sửa chữa, mua sắm bổ sung trang thiết bị đảm bảo đúng quy định, chuẩn bị CSVC cho việc thực hiện Chương trình GDPT năm 2018.

+ Lắp đặt màn hình tivi 65 inch tại 04 phòng học và có biên bản bàn giao cho GVCN của các lớp.

+ Cải tạo, lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng cho sân bóng để phục vụ cho các hoạt động thể thao của nhà trường.

+ Sửa chữa khu luyện tập ngoài trời với sự đồng ý của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội.

+ Cải tạo, nâng cấp sân khấu ngoài trời phục vụ cho các hoạt động giáo dục dưới sân trường.

+ Lắp đặt hệ thống Camera ở tất cả các phòng học, phòng chức năng, khu vực hành lang, cổng trường.

+ Bổ sung các sân thi đấu thể thao ngoài trời: 02 sân cầu lông, 01 sân bóng rổ.

- Nhà trường tiến hành cải tạo vườn trường, sửa chữa nhà vệ sinh cho học sinh, xây dựng hệ thống giàn hoa cây cảnh tạo cảnh quan Xanh - Sạch - Đẹp cho khuôn viên nhà trường; bổ sung thêm sách giáo khoa, sách tham khảo cho thư viện phục vụ công tác đọc của CBGV, NV và học sinh.

- Hiện nay, nhà trường đang được đầu tư, triển khai thực hiện xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp trường THPT Nguyễn Quốc Trinh nhằm đáp ứng các điều kiện về CSVC công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 trên cơ sở giai đoạn 2 với 1 dãy nhà gồm 20 phòng chức năng, phòng học thông thường, nâng cấp trạm biến áp, cải tạo nhà thể chất.

5. Thành tích đạt được

- Chi bộ:

+ Chi bộ nhận Giấy khen “hoàn thành Xuất sắc công tác VP cấp uỷ năm 2023”; Giấy khen “Chi bộ có thành tích Xuất sắc trong cuộc thi bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng năm 2024; Giấy khen “Hoàn thành Xuất sắc công tác kiểm tra giám sát đảng năm 2024”.

+ Năm 2024, kết nạp 03 quần chúng ưu tú vào Đảng, 12 công đoàn, đoàn viên ưu tú học lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng. Tổ chức tốt SH chuyên đề, công tác Đảng theo đúng kế hoạch.

- Tập thể nhà trường:

+ Tập thể nhận danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc” do UBND thành phố Hà Nội; 02 tập thể tổ nhận danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến năm học 2023-2024;

+ Bằng khen của Bộ Công an có thành tích trong phong trào “Toàn dân bảo vệ An ninh tổ quốc” năm 2024.

+ Đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 3 theo Quyết định số 3033/QĐ-SGDĐT ngày 11/12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội.

+ Cán nhân: 12 bản SKKN được HĐKH Sở GDĐT công nhận; 100% cán bộ giáo viên, nhân viên đạt Lao động tiên tiến. 14 cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

+ Công tác chuyên môn đạt được kết quả tốt: Công tác giáo dục mũi nhọn: 02 giải Nhì, 01 giải KK trong kỳ thi HSG Thành phố. Công tác giáo dục đại trà: Tỷ lệ HS xếp loại Khá, Giỏi, học lực Tốt, Khá tăng so với cùng kỳ năm học trước. 100% HS đỗ tốt nghiệp, 89,6% đỗ ĐH/CĐ (Tăng 13,0% cùng kỳ năm học trước).

- Công đoàn: Giấy khen hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 2023-2024; Giấy khen trường đạt “Xanh-Sạch-Đẹp” năm 2024

- Đoàn thanh niên:

+ Bằng khen của BCH Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh thành phố Hà Nội; Bằng khen: BCH Đoàn TNCS Hồ Chí Minh thành phố Hà Nội.

+ Giấy khen của Đoàn thanh niên trong các hoạt động TDTT, VH-VN o: Giải Nhì cuộc thi “Chân trời kiến thức”; Giải Ba “tìm hiểu kiến thức pháp luật”, ¼ đội mạnh nhất giải bóng đá báo ANTĐ, 1 HS đạt HC Vàng, Bạc, Đồng...

Trên đây là Báo cáo thường niên năm 2024 của trường THPT Nguyễn Quốc Trinh theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT Hà Nội;
- CBGVNV;
- CMHS, HS;
- Đăng Website;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Ngô Văn Nghĩa